

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 59/2024/HNGĐ-ST

Ngày 15-3-2024

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Luyến

Ông Đặng Huy Du

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Hà Phương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Đức Hình - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 397/2023/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2023 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 02 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Trần Võ Thanh T, sinh năm 1990; cư trú tại: Đường Credni kondratevcki bereylok, Tòa nhà số 10, Phòng 12, Moscow, Nước Nga; ĐKKHKT và tạm trú tại: J8-1 PK, phường Tân Phong, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Bị đơn:** Anh Lưu Văn P, sinh năm 1984; nơi ĐKKHKT: Tổ Kha Lâm 3, phường Nam S, quận Kiến An, thành phố Hải Phòng; hiện đang cư trú tại Nga.

Chị Trần Võ Thanh T vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt; anh Lưu Văn P vắng mặt, không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Trần Võ Thanh T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Võ Thanh T và anh Lưu Văn P kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được sự đồng ý của hai bên gia đình, có tổ chức lễ cưới theo phong

tục tập quán của địa phương và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Nam S, quận Kiến An, thành phố Hải Phòng vào ngày 11/4/2017. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, tính cách không phù hợp, hai bên không tìm được tiếng nói chung. Đến năm 2020, anh P sang nước ngoài để lao động. Anh chị sống ly thân từ đó đến nay, không quan T nhau về tình cảm cũng như kinh tế. Chị T hiện không liên lạc với anh P, mọi việc liên quan đến gia đình anh P đều liên lạc qua bố để anh P là ông Lưu Văn S nên chị T không biết được địa chỉ của anh P tại nước ngoài để cung cấp cho Tòa án. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị T đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lưu Văn P.

- Về con chung: Chị T và anh P không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Chị T và anh P tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn là anh Lưu Văn P trong quá trình giải quyết vụ án:

Theo Công văn số 935/QLXNC-P3 ngày 15/01/2024 của Cục Quản lý Xuất nhập cảnh - Bộ Công an thể hiện anh Lưu Văn P, sinh ngày 06/11/1984, đã xuất cảnh ngày 09/9/2019, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng đã tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý vụ án cho ông Lưu Văn S là bố đẻ của anh Lưu Văn P. Tại Biên bản ghi lời khai ngày 15/01/2024, ông S trình bày: Anh P và chị Trần Võ Thanh T kết hôn do tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Nam S, quận Kiến An, thành phố Hải Phòng ngày 11/4/2017. Sau khi kết hôn anh P và chị T chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, mâu thuẫn cụ thể thế nào ông S không nắm được. Hiện nay anh chị đã sống ly thân. Gia đình hai bên đã tiến hành hàn gắn nhưng không có kết quả. Ông S đã thông báo cho anh P biết việc chị T xin ly hôn anh P tại Tòa án. Quan điểm của anh P là đồng ý ly hôn. Gia đình không có ý kiến gì nếu như chị T và anh P muốn ly hôn. Về con chung: Anh P và chị T không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung: Anh P và chị T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về địa chỉ nơi cư trú của anh P: Gia đình không nắm rõ được địa chỉ anh P ở Nga nhưng vẫn liên lạc được với anh P qua điện thoại và thường xuyên trao đổi với anh P về các nội dung Tòa án thông báo nên anh P đã cung cấp các quan điểm như trên. Gia đình cũng đã yêu cầu anh P cung cấp địa chỉ tại Nga nhưng anh P không cung cấp địa chỉ chính xác cho gia đình được biết. Địa chỉ ĐKKTT và nơi ở của anh P trước khi đi Nga là: Tổ Kha Lâm 3, phường Nam S, quận Kiến An, thành phố Hải Phòng.

Do chị Trần Võ Thanh T đề nghị không tiến hành hòa giải theo quy định tại khoản 4 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án được.

Tại phiên tòa, chị Trần Võ Thanh T và anh Lưu Văn P vắng mặt, Chủ tọa phiên tòa đã công bố lý do đương sự vắng mặt, công bố tóm tắt nội dung vụ án và tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan điểm giải quyết vụ án của các đương sự.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng về việc giải quyết vụ án:

- Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; khoản 4, điểm c, khoản 5 Điều 477; khoản 1, 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 19, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Võ Thanh T:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Võ Thanh T được ly hôn với anh Lưu Văn P.

Về con chung và tài sản chung: Không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Trần Võ Thanh T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Chị Trần Võ Thanh T xin ly hôn anh Lưu Văn P hiện đang cư trú tại Nga (theo Công văn số 935/QLXNC-P3 ngày 15/01/2024 của Cục Quản lý Xuất nhập cảnh - Bộ Công an thể hiện anh Lưu Văn P, sinh ngày 06/11/1984, đã xuất cảnh ngày 09/9/2019, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước). Địa chỉ nơi ĐKKHKT và nơi ở của anh P trước khi đi Nga là: Tổ Kha Lâm 3, phường Nam S, quận Kiến An, thành phố Hải Phòng. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm b khoản 1 Điều 39, Điều 469, Điều 470 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn là chị Trần Võ Thanh T và bị đơn là anh Lưu Văn P cùng vắng mặt tại phiên tòa, chị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt còn anh P vắng mặt không có lý do nhưng đã được Tòa án tổng đạt, niêm yết

các văn bản tổ tụng theo đúng quy định pháp luật. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

- Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Theo lời khai của chị Trần Võ Thanh T và tài liệu có trong hồ sơ thể hiện, anh chị có kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Nam S, quận Kiến An, thành phố Hải Phòng ngày 11/4/2017, đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, tính cách không phù hợp, hai bên không tìm được tiếng nói chung. Đến năm 2020, anh P sang Nga để lao động. Chị T và anh P sống ly thân từ đó đến nay, không còn quan T đến nhau về tình cảm cũng như kinh tế. Do đó, có cơ sở xác định cuộc sống chung giữa chị Trần Võ Thanh T và anh Lưu Văn P không hạnh phúc, không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 127 của Luật Hôn nhân và Gia đình xử cho chị T được ly hôn anh Lưu Văn P.

[4] Về con chung: Chị Trần Võ Thanh T và anh Lưu Văn P không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Chị Trần Võ Thanh T và anh Lưu Văn P không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về án phí ly hôn sơ thẩm:

[6] Chị Trần Võ Thanh T là nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Về quyền kháng cáo của các đương sự:

[7] Chị Trần Võ Thanh T và anh Lưu Văn P được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 37, điểm c khoản 1 Điều 40, khoản 4 Điều 147, khoản 4 Điều 207, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 273, điểm d khoản 1 Điều 469, khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 127 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Võ Thanh T, cụ thể:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Võ Thanh T được ly hôn anh Lưu Văn P.
2. Về con chung: Chị Trần Võ Thanh T và anh Lưu Văn P không có con chung, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.
3. Về tài sản chung: Chị Trần Võ Thanh T và anh Lưu Văn P không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.
4. Về án phí: Chị Trần Võ Thanh T phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000007 ngày 27/12/2023 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Chị T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo của các đương sự:

Chị Trần Võ Thanh T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Anh Lưu Văn P được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- UBND phường Nam S, quận Kiến An, thành phố Hải Phòng (ĐKKH ngày 11/4/2017);
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Thu Hà